

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM

Số: 108/CTHTHMMN-TCKT

V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý

Thực hiện quy định tại Điều 29 Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 về niêm yết giá.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (kèm theo Bảng niêm yết giá):

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam.
- Địa chỉ giao dịch: số 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, TP.HCM.
- Số điện thoại: 028.39101345 / 028.39404152 Hotline: 0971.410499
- Số fax: 028.39404422
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: www.pilotcosouth.com
- Địa chỉ email: pilotcosouth@pilotcosouth.vn

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/4/2026.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết. *ANV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT BĐATHHVN (đề b/c);
- Chủ tịch Cty (đề b/c);
- Ban Kiểm soát Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu: VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

horoam
Nguyễn Văn Thọ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Văn bản số 108/CTHTTHMN ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam)

I. Mức giá niêm yết

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa					
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	43,20 2.160.000	43,20 2.160.000	Không Không
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT Đồng/lượt	64,80 2.160.000	64,80 2.160.000	Không Không
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	27 2.160.000	27 2.160.000	Không Không



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/giờ/người Đồng/giờ/người và phương tiện	32.400 216.000	32.400 216.000	Không Không
1.5	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.8	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN:	Đồng/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% mức giá quy định tại điểm 1.1,	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
		HT 4235/1.21.31			1.2, 1.3	
1.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/lượt	2.160.000	2.160.000	Không
1.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/tàu/lượt	324.000	324.000	Không
1.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT	64,80	64,80	Không
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế					
2.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/lượt	43,20	43,20	Không
2.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT USD/lượt	0,0162 108	0,0162 108	Không Không
2.3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Tính theo đơn giá + Phần khoảng cách đến 10 hải lý + Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	0,00367	0,00367 0,00238	Không

0600
TYT
HÀNH
UHA
EN N
T.P.H

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
	+ Phần khoảng cách trên Trên 30 hải lý - Tính theo lượt dẫn tàu		USD/lượt	0,00238 0,00162 324	0,00162 324	Không Không Không
2.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.3 khoản 2 của bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng) hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:					
a	Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	50% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	50% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
b	Phần dung tích trên 120.000GT đến 160.000 GT	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	40% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	40% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
c	Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	30% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	30% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
2.5	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	10,8 21,6	10,8 21,6	Không Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
	thực tế.					
2.6	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.7	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.8	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.9	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.10	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.11	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/lượt	324	324	Không
2.12	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/tàu/lượt	32,4	32,4	Không
2.13	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT	0,0162	0,0162	Không



II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Từ ngày 06/8/2024, Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam. Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện niêm yết giá không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ.

Trong bối cảnh tình hình Trung Đông diễn biến phức tạp, giá xăng dầu duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, làm tăng chi phí vận tải logistics, nhiều doanh nghiệp chịu áp lực lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Để chia sẻ khó khăn, phát huy tinh thần đoàn kết, kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam và hưởng ứng lời kêu gọi của Bộ Xây dựng trong việc đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện niêm yết lại giá dịch vụ hoa tiêu theo tinh thần Công văn số 4616/BXD-VT&ATGT ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho tàu biển Việt Nam trước tình trạng giá nhiên liệu tăng cao nên có tác động làm giảm giá dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

III. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng.

1. Các trường hợp được ưu đãi, giảm giá (theo Công văn số 4616/BXD-VT&ATGT ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Bộ Xây dựng)

- Đối tượng giảm: tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam (đặc biệt là tàu biển vận tải xăng, dầu) vào, rời cảng biển.
- Mức giảm giá dịch vụ: giảm 10% trên mức giá niêm yết quy định tại Mục I bảng niêm yết này.
- Thời gian thực hiện giảm giá: từ 00 giờ 00 ngày 01/4/2026 đến 00 giờ 00 ngày 01/5/2026. Sau thời gian này áp dụng mức giá niêm yết quy định tại Mục I bảng niêm yết này.

2. Các trường hợp được ưu đãi, giảm giá cụ thể áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Điều 5 Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

2.1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các kết nước dẫn.

2.2. Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

2.3. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại khoản 2 bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:

a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

c) Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

2.4. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá quy định trong bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2.5. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá quy định trong bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

2.6. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá quy định tại khoản 2, Mục I bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 324 USD.

2.7. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% giá quy định trong bảng niêm yết giá này.

2.8. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong bảng niêm yết giá này.

*** Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 0%**

Trường hợp khách hàng là tổ chức, các nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 0% thì điều kiện áp dụng theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 9 Luật thuế giá trị gia tăng, điểm c, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

“Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người đại lý tàu biển cho cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ.

*** Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 8%**

Trường hợp khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 8% khi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

Tỷ giá (VND/USD) áp dụng là tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Công ty niêm yết giá mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Mức giá niêm yết này thực hiện từ 00 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2026.

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về kinh doanh dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 và Điều 9 – Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết. / *MV*

GIÁM ĐỐC



horam
Nguyễn Văn Thọ